

Bản án số: 14/2023/HNGĐ - ST
Ngày 28-4-2023
V/v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Cảnh;

Ông Phạm Xuân Hào.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Phúc Vĩnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 85/2023/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Võ Xuân S, sinh năm 1981; địa chỉ: Ấp B, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương; có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1987; địa chỉ: Ấp B, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương; có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn ông Võ Xuân S trình bày yêu cầu khởi kiện như sau:

Về hôn nhân: Ông S và bà H chung sống có đăng ký kết hôn vào ngày 10/8/2007 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Việc sống chung và đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì không hạnh phúc nữa mà thường hay xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi vã. Nay, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm

trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên ông S xin ly hôn với bà H.

Về con chung: Quá trình chung sống có 01 con chung tên Võ Xuân N, sinh ngày 05/5/2008. Khi ly hôn, tùy theo nguyện vọng của cháu N. Trường hợp cháu N sống với ông thì ông không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai bị đơn bà Đỗ Thị H trình bày:*

Về hôn nhân: Bà H và ông S chung sống có đăng ký kết hôn vào ngày 10/8/2007 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Việc sống chung và đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì không hạnh phúc nữa mà thường hay xảy ra mâu thuẫn và mâu thuẫn kéo dài nhiều năm. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông S có hành vi bạo lực gia đình, thường theo bạn bè không quan tâm tới vợ, con. Nay, hàn gắn thì không thể nhưng bà H không đồng ý ly hôn, để tự ông S giải quyết, không liên quan đến bà H.

Về con chung: Quá trình chung sống có 01 con chung tên Võ Xuân N, sinh ngày 05/5/2008. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con số tiền 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án là đúng quy định của pháp luật. HĐXX thực hiện khai mạc phiên tòa, phần thủ tục, phần tranh tụng đều đảm bảo đúng pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Ông S và bà H chung sống, có đăng ký kết hôn ngày 10/8/2007 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Ông S và bà H đủ điều kiện kết hôn theo Điều 8 và có đăng ký kết hôn theo Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp. Theo nguyên đơn cho rằng, quá trình chung sống vợ chồng ông đã xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên nguyên đơn tự nguyện xin ly hôn với bị đơn. Bị đơn cho rằng cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn, ông S nhiều lần chửi mắng, đánh đập bà nhưng không đồng ý ly hôn với nguyên đơn. Xét thấy, bị đơn cho rằng cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn nhiều năm, nguyên đơn nhiều lần bạo hành bà cho thấy rằng hôn nhân đã rơi vào tình trạng trầm trọng, bị đơn cũng

không có phương pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về con chung: Quá trình chung sống có 01 con chung tên Võ Xuân N, sinh ngày 05/5/2008. Tại biên bản ghi nhận ý kiến của cháu N thì cháu có nguyện vọng được sống cùng với mẹ, bà H cũng yêu cầu được nuôi con nên đề nghị HĐXX giao con chung cho bà H nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H yêu cầu ông S có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con số tiền 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, xét thấy việc yêu cầu của bà H là phù hợp nên đề nghị HĐXX chấp nhận ý kiến của bà H, ông S có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con số tiền 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông S có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà H, bị đơn hiện cư trú tại xã A, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương nên đây là vụ án ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về hôn nhân: Ông S và bà H chung sống, có đăng ký kết hôn ngày 10/8/2007 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Ông S và bà H đủ điều kiện kết hôn theo Điều 8 và có đăng ký kết hôn theo Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp. Theo nguyên đơn cho rằng, quá trình chung sống vợ chồng bà đã xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên nguyên đơn tự nguyện xin ly hôn với bị đơn. Bị đơn cho rằng cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn, ông S nhiều lần chửi mắng, đánh đập bà nhưng không đồng ý ly hôn với nguyên đơn. Xét thấy, bị đơn cho rằng cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên đơn nhiều lần chửi mắng, đánh đập bà cho thấy rằng hôn nhân đã rơi vào tình trạng trầm trọng, bị đơn cũng không có phương pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng nên HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống ông S và bà H có 01 con chung tên Võ Xuân N, sinh ngày 05/5/2008. Tại biên bản ghi nhận ý kiến của cháu N

thì cháu có nguyện vọng được sống cùng với mẹ, bà H cũng yêu cầu được nuôi con nên HĐXX quyết định giao con chung cho bà H nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H yêu cầu ông S có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con số tiền 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, xét thấy việc yêu cầu của bà H là phù hợp nên HĐXX chấp nhận ý kiến của bà H. Ông S có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con số tiền 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[5] Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 238, 264, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Xuân S đối với bị đơn bà Đỗ Thị H về việc “Ly hôn”.

2. Về hôn nhân: Ông Võ Xuân S được ly hôn với bà Đỗ Thị H.

3. Về con chung: Giao con chung Võ Xuân N, sinh ngày 05/5/2008 cho bà Đỗ Thị H nuôi dưỡng. Ông Võ Xuân S có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng)/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền lợi hợp pháp, chính đáng của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có đơn yêu cầu phù hợp quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Ông Võ Xuân S phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005075 ngày 24/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo. Ông Võ Xuân S còn phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Mạnh